TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 546/2026/DS - PT
Ngày 09 - 6 - 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2026/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2026/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 517/2026/QĐ - PT ngày 14 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà NguyễnThị Bình, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Văn H, Văn phòng luật sư Phạm Văn H, thuộc đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Ú là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn bà NguyễnThị B *và lời khai của ông ông Trần Văn Ẩ là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Bà NguyễnThị Bình và bà Nguyễn Thị Ú là chị em ruột với nhau nên vào tháng 11/2021, bà B có cho bà Ú vay số tiền 9.000.000 đồng, không có viết biên nhận, không có thỏa thuận lãi suất, hai bên thỏa thuận vài tháng thì bà Ú sẽ trả tiền vay cho bà B. Đến ngày 18/9/2025, tại Giấy thỏa thuận ngày 18/9/2025 do ông Huỳnh Văn T

trưởng ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long chứng kiến nội dung bà Ú còn nợ bà B số tiền 9.000.000đồng, bà B và bà Ú trực tiếp ký tên vào giấy thỏa thuận. Đến ngày 30/9/2025, bà Ú trả cho bà B được số tiền là 500.000đ, còn nợ lại bà B là 8.500.000đ đến nay chưa trả. Nay bà B yêu cầu bà Ú phải có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền vay là 8.500.000 đồng, bà B không yêu cầu tính lãi. Đối với yêu cầu phản tố của bà Ú thì bà B không đồng ý. Do cùng thời gian tháng 11/2021, bà B có cho bà Ú vay số tiền 10.000.000đồng, bà B trực tiếp gửi tiền qua bưu điện cho bà Ú, không có viết biên nhận, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 600.000đ/tháng. Thời gian trả tiền vay là vài tháng sau bà Ú sẽ trả tiền vay cho bà B. Tại giấy viết tay ngày 17/3/2025 nội dung bà Ú đã trả tiền vốn vay cho bà B 10.000.000đ còn thiếu tiền lãi 9.000.000đ, có chữ ghi tên "B" thì bà B thống nhất chữ viết tên "B" là của bà B nhưng sau đó bà Ú đã trả đủ số tiền lãi còn lại cho bà B. Hình thức là bà B nhận tiền trực tiếp do bà Ú trả và bà có nhận tiền 02 lần qua bưu điện do bà Ú chuyển trả cho bà B.

Theo đơn yêu cầu phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Ú trình bày: Vào ngày 16/12/2021, bà có vay của bà Nguyễn Thị B1 số tiền 10.000.000đồng, có thỏa thuận lãi suất 600.000đồng/tháng, không có viết biên nhận, hai bên không có thỏa thuận thời gian trả nợ, do bà trực tiếp nhận tiền của bà B1. Hàng tháng bà có trả tiền lãi cho bà B1, hình thức do bà chuyển tiền lãi cho bà B1 qua bưu điện, có chứng từ giao dịch và có khi bà giao tiền lãi trực tiếp cho bà B1 nhận, đối với những lần bà trả tiền lãi cho bà B1 nhận trực tiếp thì hai bên không có viết biên nhận, tổng cộng số tiền lãi mà bà đã trả cho bà B1 với số tiền là 21.600.000đồng. Đối với số tiền vốn 10.000.000đồng thì bà đã trả đủ cho bà B1, có làm biên nhận do bà viết và bà B1 trực tiếp ký tên. Tại giấy thỏa thuận ngày 18/9/2025 do ông Huỳnh Văn T là trưởng ấp chứng kiến với nội dung bà còn nợ bà B1 9.000.000đồng, chữ ký tại giấy thỏa thuận đúng là của bà nhưng số tiền 9.000.000đồng này là tiền lãi trước đây bà còn nợ bà B1. Đến ngày 30/9/2025, bà trả cho bà B1 số tiền 500.000đồng còn lại 8.500.000đ bà chưa trả cho bà B1. Nay bà B1 yêu cầu bà phải có nghĩa vụ trả số tiền vay là 8.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì bà không đồng ý mà bà yêu cầu phản tố đối với số tiền lãi mà bà đã trả cho bà B1 là 21.600.000đồng sẽ trừ vào số tiền lãi bà còn nợ bà B1 là 8.500.000đồng để trừ ngang khoản nợ. Đối với số tiền lãi còn lại bà đã trả bà B1 là 13.100.000đồng, bà không yêu cầu bà B1 trả lại cho bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2026/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B1.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ú phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị B1 số tiền vay là 4.579.533đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B1 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ú trả số tiền 3.920.467đ (Ba triệu chín trăm hai mươi nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Ú.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, bị đơn bà Nguyễn Thị Ú kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà Ú phải trả cho bà Nguyễn Thị B1 số tiền vay là 4.579.533đồng và không buộc bà Ú phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B1 không rút yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Nguyễn Thị Ú giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Số tiền 8.500.000đồng mà bà B1 khởi kiện bà Ú là số tiền lãi của số tiền nợ vay 10.000.000đồng mà bà B1 cho bà Ú vay vào ngày 16/12/2021; số tiền 9.000.000đồng ghi trong tờ Giấy thỏa thuận ngày 18/9/2025 là số tiền lãi của số tiền nợ vay 10.000.000đồng trên. Bà Ú đã trả lại cho bà B1 vượt số tiền lãi mà bà Ú có nghĩa vụ trả cho bà B1 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ú.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Bà Nguyễn Thị B1 cho rằng có cho bà Nguyễn Thị Ú vay số tiền 9.000.000 đồng nhưng không có làm biên nhận, trong khi đó bà Ú không thừa nhận có vay số tiền trên của bà B1. Bà Ú cho rằng số tiền 9.000.000 đồng ghi trong tờ Giấy thỏa thuận ngày 18/9/2025 là số tiền lãi của số tiền nợ vay 10.000.000 đồng mà bà B1 cho bà Ú vay vào ngày 16/12/2021. Xét tờ giấy viết tay thể hiện nội dung "*ngày 17/3/2025 trả vốn 10 triệu đồng còn tiền đóng lời 9 triệu – Trả 10 triệu còn 9 triệu = B1*", bà B1 thừa nhận chữ ký tên "B1" là của bà B1; như vậy, có cơ sở khẳng định số tiền 9.000.000 đồng ghi trong Giấy thỏa thuận ngày 18/9/2025 là số tiền lãi của số tiền vay 10.000.000 đồng mà B1 cho bà Ú vay vào ngày 16/12/2021. Về số tiền lãi mà bà Ú đã trã cho bà B1 đã vượt số tiền lãi mà bà Ú có nghĩa vụ trả cho bà B1, bà Ú không yêu cầu bà B1 trả lại số tiền lãi vượt này nên không xém xét giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Ú, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B1, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Ú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ú không đồng ý trả số tiền 4.579.533đồng cho bà Nguyễn Thị B1, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị B1 cho rằng vào tháng 11/2021 bà B1 có cho bà Ú vay số tiền 9.000.000 đồng. Để chứng minh cho lời trình bày này, bà B1 có cung cấp cho Tòa án Giấy thỏa thuận ngày 18/9/2025 do ông Huỳnh Văn T trưởng ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long chứng kiến thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị Ú thừa nhận còn nợ bà B1 số tiền 9.000.000 đồng (BL 24). Trong khi đó, bà Ú cho rằng vào ngày 16/12/2021, bà Ú có vay của bà B1 số tiền 10.000.000đồng, bà Ú đã trả được số tiền gốc 10.000.000 đồng còn nợ lại số tiền lãi là 9.000.000 đồng; số tiền 9.000.000 đồng ghi trong Giấy thỏa thuận ngày 18/9/2025 là số tiền lãi của số tiền 10.000.000đồng mà bà Ú vay của bà B1 vào ngày 16/12/2021. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, bà Ú có cung cấp cho Tòa án tờ giấy viết tay thể hiện nội dung "*ngày 17/3/2025 trả vốn 10 triệu đồng còn tiền đóng lời 9 triệu – Trả 10 triệu còn 9 triệu = B1*" (BL 52). Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà B1 thừa nhận chữ ký tên "B1" trong tờ giấy viết tay trên là của bà B1; như vậy, có cơ sở khẳng định số tiền 9.000.000 đồng ghi trong Giấy thỏa thuận ngày 18/9/2025 mà bà B1 khởi kiện bà Ú là số tiền lãi của số tiền vay 10.000.000 đồng mà bà Ú vay của bà B1 vào ngày 16/12/2021.

[2] Xét về số tiền lãi mà bà Ú đã trả cho bà B1: Bà Ú cho rằng đã trả cho bà B1 được số tiền lãi là 21.600.0000 đồng, trong đó trả trực tiếp cho bà B1 số tiền 11.200.000đồng, chuyển tiền qua đường bưu điện 10.400.000 đồng. Bà B1 không thừa nhận có nhận trực tiếp của bà Ú số tiền lãi 11.200.000 đồng và cho rằng có nhận số tiền lãi của bà Ú qua bưu điện 02 lần nhưng số tiền bao nhiêu thì bà B1 không nhớ. Theo các biên nhận chuyển tiền qua bưu điện cho bà B1 mà bà Ú cung cấp cho Tòa án thể hiện: Ngày 20/10/2022 số tiền 2.150.000đ, ngày 20/3/2023 số tiền 2.500.000đồng, ngày 05/01/2024 số tiền 550.000đồng; ngày 29/01/2024 số tiền 600.000đồng, ngày 20/3/2024 số tiền 4.000.000đồng, ngày 02/5/2024 số tiền 600.000đồng. Như vậy, tổng cộng số lãi mà bà Ú đã trả cho bà B1 10.400.000đồng.

Số tiền lãi mà bà Ú có nghĩa vụ trả cho bà B1 tính từ ngày bà Ú vay tiền của bà B1 (ngày 16/12/2021) đến ngày bà Ú trả tiền vốn 10.000.000đồng cho bà B1 (ngày 17/3/2025) là 39 tháng 01 ngày, lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) với số tiền là 6.479.533đồng (10.000.000đồng × 1,66% × 39 tháng 01 ngày). Như vậy, thực tế bà Ú đã trả tiền lãi cho bà B1 nhiều hơn số tiền lãi mà bà Ú có nghĩa vụ trả cho bà B1 là 3.920.467đồng (10.400.000đồng - 6.479.533đồng). Đối với số tiền lãi 3.920.467đồng mà bà Ú trả vượt này, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ú có ý kiến không yêu cầu bà B1 trả lại cho bà Ú nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những chứng cứ và phân tích trên [1], [2], Hội đồng xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Ú là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bà Nguyễn Thị B1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà B1.

Bà Nguyễn Thị Ú không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ú 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0003257 ngày 25/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ú không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Ú 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0007041 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ú.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2026/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long.

Áp Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Ú trả số tiền 8.500.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Ú về việc bà Ú yêu cầu tính lại số tiền lãi mà bà Ú đã trả cho bà B1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị B1.

Bà Nguyễn Thị Ú không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ú 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0003257 ngày 25/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ú không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ú 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0007041 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 4 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng